

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết;

2. Ông Lê Việt Hùng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2020/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 110B KDC, 5 ấp T, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 110B KDC, 5 ấp T, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/ 2020 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào năm 1996, Chị T và anh P quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống nhau hạnh phúc nhưng dần về sau anh P uống rượu chửi bới, đánh đập chị T và chị T đã bỏ về cha mẹ ruột cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Có 03 con chung: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1998 và Nguyễn Thanh D, sinh năm 2009. Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Thị Ngọc N trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn Nguyễn Thanh D hiện nay đang sống chung với anh P, cháu D muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi và không đặt vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có đến dự phiên hòa giải cũng như không có bản khai gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xin vắng mặt, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, chị T và anh P quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống nhau hạnh phúc nhưng dần về sau anh P uống rượu chửi bới, đánh đập chị T và chị T đã bỏ về cha mẹ ruột cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng thật sự đến mức trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận bởi vì bị đơn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án cũng như không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp luật Hôn nhân & gia đình. Tuy nhiên, do hai người không có đăng ký kết hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3].Về con chung: Có 03 con chung: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1998 và Nguyễn Thanh D, sinh năm 2009. Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Thị Ngọc N trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn Nguyễn Thanh D hiện nay đang sống chung với anh P, cháu D muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi và không đặt vấn đề cấp dưỡng. Xét cháu D có tờ tự khai ngày 18/10/2020 là sống chung với cha nên Tòa án tiếp tục giao cháu D cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không cấp dưỡng nuôi con và anh P không có ý kiến nên không xét.

[4].Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

[5].Về nợ chung: nguyên đơn khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[6].Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006073 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 14, Điều 51, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh P.

2.Về con chung: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh D, sinh năm 2009 cho anh Nguyễn Thanh P nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

Bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

3.Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

4.Về nợ chung: nguyên đơn khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006073 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đs;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong